

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG - VVMI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *154*/CBTT-DXD

Hà Nội, ngày *16* tháng *3* năm 2021

“V/v Báo cáo thường niên Công ty
năm 2021”

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức niêm yết/ đăng ký giao dịch: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng- VVMI
- Mã chứng khoán: **DXD**
- Địa chỉ: Tổ 20, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243 883 2505

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty trân trọng công bố thông tin:

Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng- VVMI.

(có báo cáo kèm theo và báo cáo tài chính năm 2021 do Công ty TNHH PKF Việt Nam kèm theo)

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn www.dautuvaxaydungvvmi.com.vn

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng- VVMI xin thông báo đến quý Ủy ban và quý Sở và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Website Công ty
- Lưu HĐQT, TCNS

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trịnh Hoàng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội

Tel: 024 3883 2505

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội.

Điện thoại: 024 3883 2505

Website: dautuvaxaydungvvmi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Trịnh Hoàng Nam – Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 20, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Hà Nội

Tel: 024 3883 2505

MỤC LỤC

CÁC KHÁI NIỆM.....	3
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	4
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	11
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:.....	13
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	14
6. Hoạt động kinh doanh.....	14
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	21
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	22
9. Chính sách đối với người lao động.....	23
10. Chính sách cổ tức.....	23
11. Tình hình tài chính.....	24
12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty).....	28
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	29
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....	30
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	30
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	31
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	31
1. Hội đồng quản trị.....	31
2. Ban kiểm soát.....	31
3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....	31
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	31

CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Công ty đại chúng, INCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCKHN, HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần
Giấy CN ĐKDN (ĐKKD)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh)
TP	Thành phố
VĐL	Vốn điều lệ

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI
Tên tiếng Anh: VVMI INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: VVMI.INCO JSC
Người đại diện pháp luật: Ông Trịnh Hoàng Nam – Giám đốc
Trụ sở chính: Tổ 20 – Thị trấn Đông Anh – huyện Đông Anh – TP Hà Nội.
Số điện thoại: 0243.883.2505
Website: dautuvaxaydungvvmi.com.vn
Email: tchcvvmi@gmail.com

Logo:



Vốn điều lệ đăng ký: 10.197.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp: 10.197.000.000 đồng
Giấy CN ĐKDN: số 0101023733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/4/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/7/2019.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
4312	Chuẩn bị mặt bằng - Chi tiết: San đắp nền móng các công trình và làm đường bộ, cầu cống;
6810 (Chính)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở.
1610	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ
1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng

2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
4311	Phá dỡ
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh,
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà,
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
4753	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng; Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35KV; Xây lắp các công trình thủy lợi;
4101	Xây dựng nhà để ở
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa
5224	Bốc xếp hàng hóa

4102	Xây dựng nhà không để ở
4211	Xây dựng công trình đường sắt
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
4212	Xây dựng công trình đường bộ
7020	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý.
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động đo đạc bản đồ;
4221	Xây dựng công trình điện
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

Ngày trở thành công ty đại chúng: 20/12/2019 (theo công văn số 7609/UBCK-GSĐC ngày 20/12/2019 của UBCKNN)

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán : DXD
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.019.700 cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: Không

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Công ty có ngành nghề kinh doanh bất động sản. Theo thông báo tại trang điện tử của Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài, ngành nghề kinh doanh bất động sản là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không quy định cụ thể tỷ lệ sở hữu nước ngoài (<https://dautunuocngoai.gov.vn/fdi/nganhcap3chitiet/93>). Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 2a được bổ sung tại khoản 2, Điều 1, Nghị định 60/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 49%/vốn điều lệ

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 03/01/2020, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI tiền thân là Xí nghiệp xây lắp Đông Anh là đơn vị hạch toán trong nội bộ của Công ty Than III (thành lập ngày 01/8/1980 theo quyết định số 50 ĐT/ TCCB3 ngày 09/7/1980).

Tháng 7/1987, Xí nghiệp xây lắp Đông Anh tiếp nhận thêm Công trường xây lắp I Đồng giao.

Ngày 21/4/1993, Bộ trưởng Bộ Năng lượng có Quyết định số 211/NL-TCCB-LĐ về việc sáp nhập Xí nghiệp sản xuất vật liệu vào Xí nghiệp xây lắp Đông Anh từ 01/5/1993.

Ngày 26/6/1993: đổi tên thành Xí nghiệp xây dựng công nghiệp và dân dụng Hà Nội trực thuộc Công ty Than nội địa theo Quyết định số 394 NL/TCCB ngày 26/6/1993.

Ngày 23 tháng 3 năm 1999: sáp nhập thêm một phần của Xí nghiệp vật liệu xây dựng và xây lắp Bắc Thái trực thuộc Công ty Than nội địa

Năm 2000: Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số: 08/2000/QĐ-BCN ngày 23/02/2000 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển đổi từ Xí nghiệp xây dựng công nghiệp và dân dụng Hà Nội thành Công ty cổ phần xây lắp Đông Anh.

Ngày 04/04/2000, Công ty chính thức được chuyển thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần xây lắp Đông Anh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số

0103000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04/04/2020 với vốn điều lệ ban đầu là 1.800.000.000 đồng.

Đại hội đồng cổ đông họp ngày 26 tháng 3 năm 2005 đã nhất trí đổi tên Công ty cổ phần xây lắp Đông Anh thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Than nội địa trực thuộc Công ty Than nội địa.

Đại hội đồng cổ đông họp ngày 30 tháng 3 năm 2009 đã nhất trí đổi tên Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Than nội địa thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI thuộc Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV (Nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin).

- Các dấu mốc phát triển:

Công ty trải qua nhiều bước thăng trầm, đặc biệt là sau thời kỳ sát nhập 1987-1993 Công ty bị khủng hoảng trầm trọng: Âm vốn, công nhân không có việc làm, một số công trình không thu hồi được vốn, nợ ngân hàng quá lớn, lãi vay quá hạn cao. Công ty mất khả năng thanh toán nợ cho công nhân và khách hàng. Với tài sản trải rộng từ Ninh Bình đến Bắc Thái, Công ty gặp khó khăn trong công tác quản lý, tổ chức sản xuất. Công ty gặp khó khăn trong việc thích nghi với cơ chế thị trường, cạnh tranh với các đơn vị khác trên thị trường khi tham gia đấu thầu. Tưởng chừng, Công ty không thể vượt qua được những khó khăn này. Tuy nhiên, nhờ sự giúp đỡ của lãnh đạo Công ty than Nội Địa – Bộ Công nghiệp – Tổng Công ty than Việt Nam, sự nỗ lực và chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo, Công ty đã vạch ra các kế hoạch và tổ chức sắp xếp lại hoạt động một cách hợp lý và có hiệu quả. Từ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có nhiều thay đổi.

Giai đoạn 2000-2012 đa số cán bộ công nhân viên Công ty là lực lượng lao động nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên có nhiều kinh nghiệm và am hiểu sâu về nghiệp vụ xây dựng, có sức khỏe tốt, có tâm huyết với nghề, thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn trọng. Đặc biệt là bộ máy lãnh đạo Công ty với 30% cán bộ có trình độ Đại học, 30% có trình độ Cao đẳng và trung cấp về chuyên ngành quản lý và kinh tế xây dựng. Từ đó, tập thể người lao động Công ty đã phát huy các kết quả đạt được, mở rộng ngành nghề, tạo bước đột biến, tạo thế phát triển vững chắc và lâu dài, vững bước tiến vào thế kỷ 21.

Giai đoạn 2015 đến nay Công ty gặp nhiều khó khăn do lực lượng lao động giảm sút do CBCNV nghỉ chế độ, thị trường xây dựng thu hẹp do chủ trương cắt giảm đầu tư của nhà nước. Bằng sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBCNV Công ty đã vượt qua khó khăn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, đảm bảo đời sống cho người lao động và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
V

- Các thành tích, giải thưởng, bằng khen đạt được:

Năm 2006: Được Chủ tịch nước khen tặng “Huân chương lao động hạng Ba”

Năm 2006: Được Đảng ủy khối CN Hà nội khen tặng “Đảng bộ trong sạch vững mạnh”

Năm 2009: Được UBND thành phố Hà nội khen tặng “Cúp Thăng Long”

Năm 2010: Được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen.

Năm 2011: Được Bộ trưởng bộ công thương tặng bằng khen.

Năm 2012: Được Chủ tịch nước khen tặng “Huân chương lao động hạng Nhì”

Năm 2014: Được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen.

Năm 2016: Được Bộ trưởng bộ công thương tặng bằng khen.

Và 150 lượt CBCNV được tặng thưởng danh hiệu CSTĐ, LĐTT. Được Thủ tướng và Bộ công thương tặng bằng khen trong những năm qua.

1.4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Từ khi chuyển đổi thành công ty cổ phần (ngày 04/04/2000) đến nay, CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI đã thực hiện quá trình tăng vốn từ 1,8 tỷ đồng lên 10,197 tỷ đồng như sau:

TT	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Mục đích sử dụng vốn	Cơ sở pháp lý
1	29/3/2003	0,7	2,5	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Tổng Công ty than Việt Nam	- Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- NQ ĐHCĐ thường niên năm 2003 - Quyết định HĐQT năm 2003 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000030 thay đổi lần thứ 2 ngày 26/8/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
2	30/3/2012	3,5	6,0	Phát hành cổ phiếu thường, tỷ lệ 1:1,4	- Tái đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- NQ ĐHCĐ thường niên năm 2012 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101023733 thay đổi lần thứ 5 ngày 26/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

TT	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Mục đích sử dụng vốn	Cơ sở pháp lý
3	27/3/2015	3,9	9,9	Phát hành cổ phiếu thường, tỷ lệ 1:0,65	- Tăng quy mô vốn điều lệ để nâng cao năng lực cạnh tranh về vốn	- NQ ĐHCĐ thường niên năm 2015 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101023733 thay đổi lần thứ 6 ngày 08/04/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
4	22/3/2019	0,297	10,197	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 3% mệnh giá	- Nguồn vốn tăng thêm dùng để nâng cao năng lực về vốn cho Công ty khi tham gia đấu thầu.	- NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101023733 thay đổi lần thứ 8 ngày 30/7/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

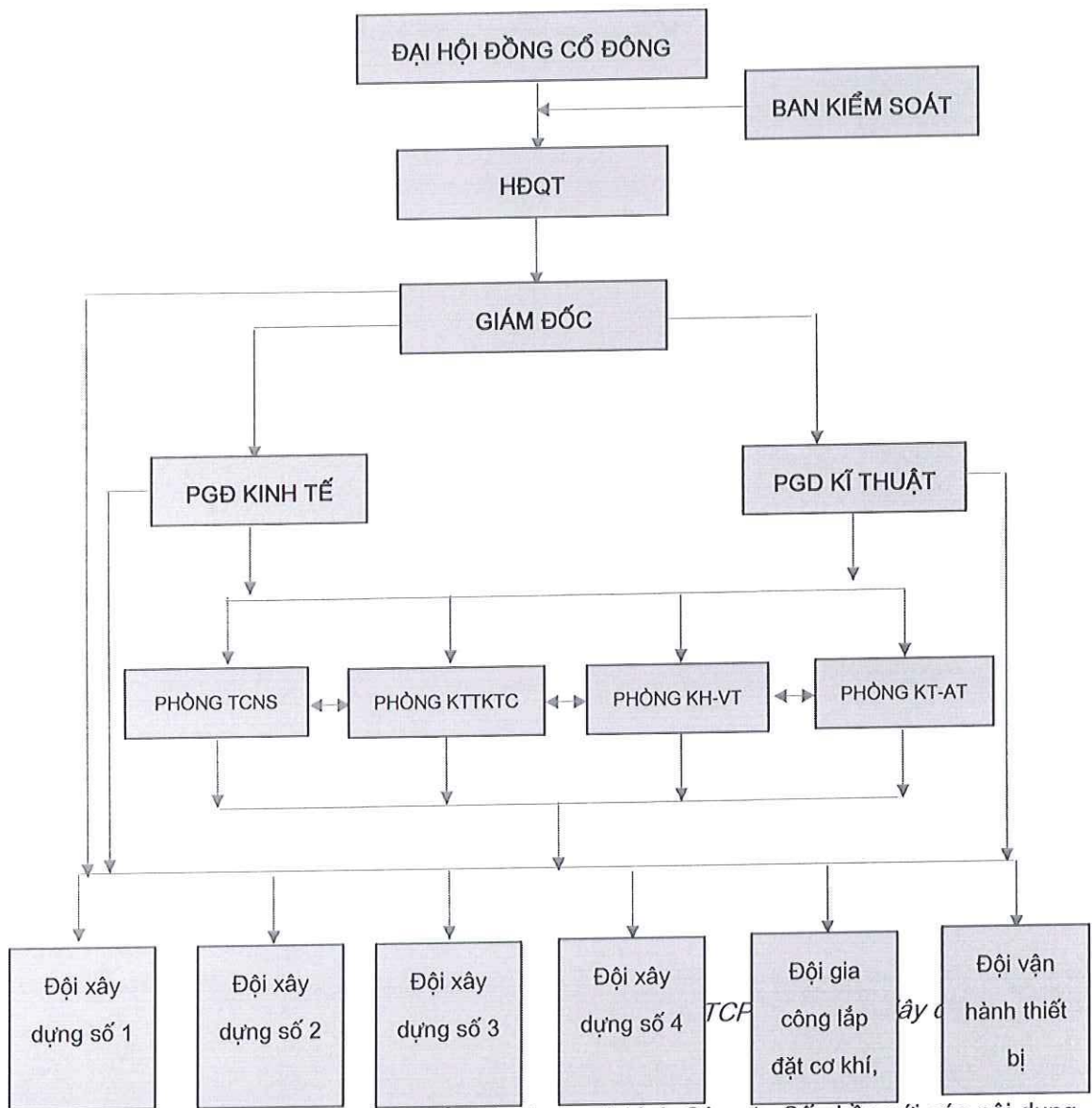
(Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI)

2. Cơ cấu tổ chức công ty

STT	Công ty	Địa chỉ
I	Trụ sở chính	Tổ 20 – Thị trấn Đông Anh – huyện Đông Anh – Hà Nội
II	Các đơn vị trực thuộc	
1	Văn phòng đại diện	624 – Dương Tự Minh – Quán Triều – Thành phố Thái Nguyên
2	Văn phòng đại diện	250 phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với các nội dung chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm

giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3.4 Ban Giám đốc

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng, quyết định các vấn đề tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ, điều động nhân lực, xe máy, vật tư... và chịu trách nhiệm trước pháp luật...

3.5 Các phòng ban chức năng và đơn vị sản xuất trực thuộc

- Phòng Tổ chức nhân sự (TCNS): Tham mưu và giúp lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ; Bảo vệ chính trị nội bộ, Đảm nhiệm công tác hành chính – tổng hợp, văn thư - lưu trữ, Phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, pháp chế theo quy định hiện hành, Quản lý công tác bảo vệ và tổ xe.
- Phòng Kế toán Thống kê Tài chính (KTTKTC): Có nhiệm vụ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị một cách kịp thời, đầy đủ đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh; chủ trì và phối hợp với các phòng có liên quan để lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của công ty; thực hiện, tham gia thực hiện và trực tiếp quản lý công tác đầu tư tài chính, cho vay tại đơn vị; tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về việc chỉ đạo thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính – kế toán; nghiên cứu và đề xuất với Lãnh đạo đơn vị các biện pháp quản lý hoạt động kinh doanh đảm bảo chấp hành tốt đúng chế độ hiện hành và phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh doanh của đơn vị để đạt hiệu quả cao nhất.
- Phòng Kế hoạch – Vật tư – Thị trường: Lập, quản lý, theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Chủ trì thực hiện công tác đầu tư - xây dựng, đấu thầu - giao thầu. Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa và xây dựng mới cơ sở hạ tầng. Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty. Tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành công ty trong công tác kế hoạch và các vấn đề kỹ thuật của dự án .
- Phòng Kỹ thuật An Toàn (KT-AT): Tham mưu cho Giám đốc hồ sơ thiết kế và thi công các công trình phù hợp với năng lực của Công ty. Bóc tách khối lượng, kiểm tra bản vẽ, Lập và xem xét các quy trình kỹ thuật, kế hoạch chất lượng theo yêu cầu của các công

trình; Tổ chức hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình kỹ thuật, kế hoạch chất lượng, tổ chức thực hiện và thực hiện công tác giám sát trực tiếp đối với công trình thi công. Giám sát, theo dõi kiểm tra phát hiện kịp thời những sự cố kỹ thuật trong quá trình thi công và đề xuất các phương án xử lý, đảm bảo chất lượng công trình, Lập biện pháp thi công và lập phương án về tiến độ đối với các công trình, cập nhật, đánh giá và cải tiến các quy trình kỹ thuật, quy trình đảm bảo chất lượng, kế hoạch chất lượng theo thực tế thi công nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công trình. Kiểm tra, tổ chức nghiệm thu và chịu trách nhiệm về các tài liệu, hồ sơ hoàn công các công trình khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng và lưu trữ hồ sơ hoàn công. Tham gia Hội đồng lập hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu. Lập và soát xét hồ sơ mời thầu phần yêu cầu kỹ thuật và tham gia tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu; lập hồ sơ dự thầu và tham gia đấu thầu xây lắp các công trình.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 15/3/2021 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	236	1.019.700	100
	- Tổ chức	01	520.047	51%
	- Cá nhân	239	499.653	49%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ		0	0
@	Tổng cộng	240	1.019.700	100

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/3/2021 như sau:

Stt	Cổ đông	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0100100015	Số 1 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	520.047	51

Stt	Cổ đông	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
2	Lê Trung	0010372369	Số 26, ngõ Yên Linh, Phường Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	81.576	8
@	TỔNG CỘNG			601.623	59

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

4.3. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần 04 ngày 23/02/2000. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đến nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

Tên tổ chức: Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
Địa chỉ: Số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (+8424).36647515 – Fax: (+8424).36647493
Vốn điều lệ đăng ký: 1.050.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp: 1.050.000.000.000 đồng
Giấy CN ĐKDN: Số 0100100015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22/05/2015

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: Khai thác và thu gom than cứng, sản xuất vật liệu xây dựng

Vốn góp tại INCO: 5.200.470.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ.

5.2. Công ty con, công ty mà CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

6. Tình hình Hoạt động kinh doanh trong năm 2020

6.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu trong hoạt động thi công, xây lắp: công

trình nhà ở; thi công xây dựng kho xưởng – dây chuyền sản xuất; xây lắp hệ thống, đường dây trạm biến áp; thi công hệ thống thoát nước, cống, cầu kè,...

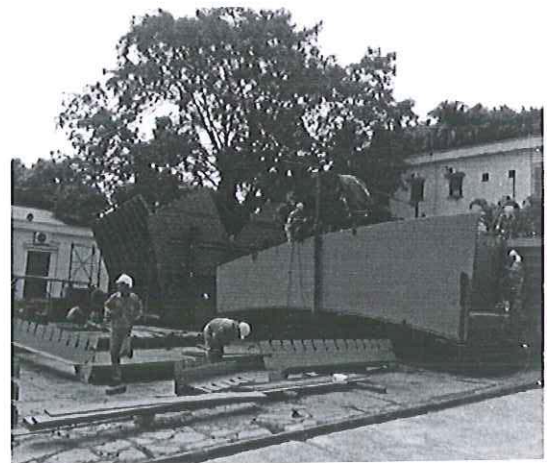
- Ngoài ra dịch vụ thiết kế, cung cấp, lắp đặt thiết bị theo nhu cầu của khách hàng cũng được Công ty triển khai.

- Một số hình ảnh cụ thể về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Công tác đổ bê tông, cốt thép



Gia công kết cấu thép



Sản xuất cửa nhựa lõi thép, cửa nhôm kính



Các công trình đã thi công



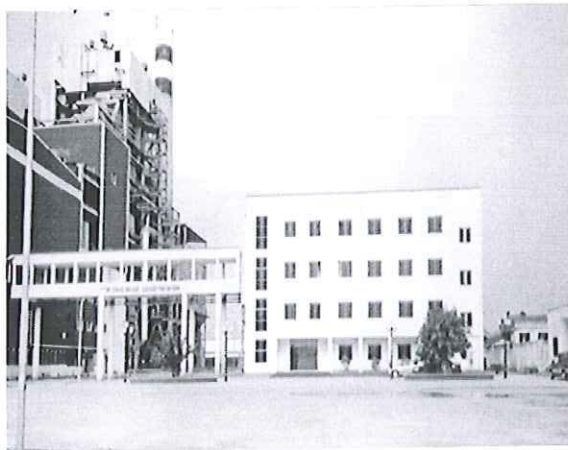
Khách sạn mỏ Việt Bắc



Nhà điều hành sản xuất

Công ty Tuyển Than Cửa Ông

Thi công một số hạng mục công trình tại nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn



6.2 Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020:

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Kinh tế Việt Nam chỉ tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%.

Trước bối cảnh như vậy, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục gặp phải rất nhiều khó khăn như: nhiều trị trường việc làm truyền thống trong ngành điều chỉnh hoặc tạm hoãn kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa do vậy rất thiếu việc làm; Mặt khác giá cả vật tư biến động tăng (thép, xi măng, gạch...); Ngân hàng giảm hạn mức cho vay và nâng mức lãi suất; Lao động khan hiếm; Mặt bằng chậm; Thời tiết khắc nghiệt nắng nóng, mưa nhiều ...

Được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của Tập đoàn công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam và Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc cùng với sự thống nhất nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong Công ty đã đề ra nhiều biện pháp tháo gỡ và tích cực khắc phục mọi khó khăn thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra trong năm 2020.

Hôm nay, Tổng kết đánh giá kết quả hoạt động SXKD cho năm 2020 nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm, đưa ra các giải pháp cho việc xây dựng và thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 như sau:

Một số chỉ tiêu chủ yếu chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	1000 đồng	60.000.000	78.180.856	130,30
2	Nộp ngân sách NN	“	2.275.000	1.804.035	79,30
3	Lợi nhuận trước thuế	“	100.000	101.785	101,79
4	Trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	0	0	0
5	Lao động bình quân	Người	135	128	94,81
	<i>Trong đó: LĐ trong danh sách</i>	“	<i>57</i>	<i>52</i>	<i>91,23</i>
6	Tiền lương BQ trong danh sách	Đ/ng/thg	5.700.000	5.482.365	96,18
7	Ăn ca	Đồng/công	20.000	20.000	100

Tài sản - Nguồn vốn:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
1	Tổng tài sản	Tr. đồng	34.289
1.1	Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	31.822
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr. đồng	647
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	“	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr. đồng	28.361
	- Hàng tồn kho	Tr. đồng	2.792
	- Tài sản ngắn hạn khác	“	23
1.2	Tài sản dài hạn khác	Tr. đồng	2.466
2	Tổng nguồn vốn	Tr. đồng	34.289
	- Nợ phải trả	Tr. đồng	23.560
	- Nợ dài hạn	“	
	- Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	10.197
	- Nguồn kinh phí và quỹ khác	“	531

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, ngay từ đầu năm Bộ máy điều hành đã cố gắng tiếp cận nhiều thị trường trong và ngoài ngành thông qua đấu thầu, chào giá cạnh tranh để có việc làm nhưng kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 không cao do một số nguyên nhân chủ yếu sau: Cạnh tranh khốc liệt về giá trong khâu đấu thầu chào giá tìm kiếm việc làm; Giá

cả vật tư đầu vào biến động lớn theo chiều hướng tăng; Lãi suất vay vốn ngân hàng cao; Tuyển dụng lao động thuê ngoài khó khăn do dịch chuyển nghề dẫn đến khan hiếm; Thời tiết bất thường mưa nhiều dẫn đến khó khăn trong thi công; Không có mặt bằng để triển khai thi công các công việc đã ký Hợp đồng...

- CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020

+ Tổ chức sắp xếp mô hình quản lý sản xuất

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty, năm 2020 đã tiếp tục tiến hành sắp xếp lại tổ chức sản xuất tại các công trường và bộ máy quản lý đảm bảo đủ, gọn nhẹ, năng động. Ban giám đốc 01 người, 4 phòng ban quản lý, 03 đơn vị và 2 Công trường với tổng số lao động trong danh sách 52 người (giảm lao động quản lý). Sắp xếp lại lao động để giảm bớt lao động phục vụ và lao động quản lý tại các công trường. Lao động trực tiếp thi công chủ yếu là lao động thời vụ.

Từng bước triển khai áp dụng công nghệ tin học hoá vào quản lý và điều hành sản xuất. Đơn vị tiếp tục nghiên cứu áp dụng cơ giới hoá và tự động hoá vào các khâu trong sản xuất thi công nhằm nâng cao hiệu quả.

+ Điều hành thi công sản xuất, quản lý kỹ thuật, An toàn và bảo hộ lao động:

Trong năm, Bộ máy điều hành tăng cường chỉ đạo và phối hợp với các đơn vị sản xuất thực hiện tốt các biện pháp thi công đảm bảo về chất lượng, tiến độ thi công các hạng mục công trình. Đảm bảo an toàn về con người; máy móc thiết bị thi công, giảm lãng phí về vật tư, chi phí hành chính, tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí nguyên nhiên vật liệu. Không để xảy ra trường hợp nào vi phạm chất lượng kỹ thuật.

Nghiệm thu thanh quyết toán hạng mục, công trình gọn gàng, đáp ứng yêu cầu.

Đảm bảo an toàn bảo hộ lao động, môi trường tốt theo kế hoạch, biện pháp đã đề ra, phối hợp và chấp hành tốt các nội quy Chủ đầu tư, quy định của Nhà nước về công tác an toàn, vệ sinh môi trường, không để xảy ra tai nạn sự cố nặng, nhẹ cho máy móc thiết bị, con người và công trình.

+ Quản lý lao động, tiền lương, đào tạo và nâng bậc:

Tổng số CBCNV trong danh sách đầu năm 2020 là 55 người, trong năm có 02 CBCNV nghỉ chấm dứt hợp đồng lao động, số CBCNV trong danh sách còn 53 người. Trong năm 2020 thực hiện tốt công tác tái cơ cấu, sắp xếp lại bộ máy, các công trường để giảm bớt lao động quản lý và phục vụ nhằm đảm bảo tinh gọn. Điều động, luân chuyển CBCNV kịp thời trong thi công sản xuất giữa các công trường nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Thực hiện việc trả lương cho người lao động theo cơ chế khoán dựa vào kết quả SXKD gắn với năng suất, chất lượng hiệu, quả công việc. Công ty đã yêu cầu, hướng dẫn và giám sát các đơn vị sử dụng quỹ lương đúng mục đích và trả lương đầy đủ cho người lao động. Kết quả là tiền lương của các đơn vị sản xuất trực tiếp được giữ ổn định. Thực hiện trả lương CBCNV trên bộ máy điều hành, quản lý theo KPIs và tiếp tục hoàn thiện KPI.

Thực hiện tốt các nội quy, quy chế, các quy định về tiền lương, các chế độ cho người lao động như: Đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn bệnh nghề nghiệp kịp thời không để xảy ra tình trạng nợ đọng bảo hiểm. Giải quyết chế độ cho người lao động nhanh chóng kịp thời như: Chế độ ốm đau, thai sản...

+ Quản lý tài chính kế toán:

Năm 2020 cùng với các mặt công tác khác, công tác tài chính vẫn gặp nhiều khó khăn: thiếu việc làm, mặt bằng triển khai chậm, công tác nghiệm thu thanh toán gặp nhiều vướng mắc dẫn đến áp lực về vốn chi thi công sản xuất. Chi phí lãi vay cao do phải vay vốn lớn, tuy nhiên đã kịp thời cung cấp đủ vốn cho các đơn vị, công trường, đảm bảo cho thi công sản xuất.

Hoàn thành lập báo cáo tài chính năm 2020 và đã được kiểm toán độc lập kiểm tra xác nhận.

+ Mua sắm và Xuất nhập vật tư:

Công ty đang thực hiện theo quy chế quản lý vật tư của HĐQT ban hành và theo hướng dẫn của Tập đoàn, Tổng công ty. Công ty sẽ tiếp tục rà soát ban hành lại quy chế quản lý vật tư theo hướng kiểm soát chặt chẽ đầu vào từ Công ty xuống đơn vị nhằm đảm bảo đúng quy định.

+ Thi đua khen thưởng, kỷ luật liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Gắn với phong trào thi đua trong SXKD của Công ty, Tổng công ty và Tập đoàn. Tập thể, cá nhân CBCNV trong Công ty đã phấn đấu nỗ lực trong hoạt động SXKD năm 2020.

Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty đã xét và đề nghị cấp trên khen thưởng, tặng thưởng cho các Tập thể và cá nhân đã có thành tích trong SXKD năm 2020 theo đúng Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty ban hành với tổng số tiền là: 55.695.000 đồng

+ Đầu tư: Năm 2020 Công ty không có đầu tư.

6.3 Phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021:

Năm 2021, tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, Dịch bệnh Covid 19 vẫn gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước mà đặc biệt là đến các Doanh nghiệp. Tại thời điểm xảy ra dịch bệnh phải giãn cách Xã hội, tình hình SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn từ chỉ đạo điều hành, kiểm tra sản xuất đến thi công sản xuất tại các công trường. Hoạt động giao dịch tìm kiếm việc làm với các khách hàng gần như ngừng hết nên áp lực về việc làm, doanh thu, lợi nhuận càng căng thẳng hơn.

Ngoài khó khăn trên, Công ty vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng khác như:

- Đầu năm Công ty thiếu việc làm, trong khi đó các hợp đồng mới chưa triển khai được do dịch bệnh phải cách li và giãn cách xã hội.

- Giá cả vật tư (đặc biệt là thép), nhiên liệu, lãi suất ngân hàng biến động tăng nhiều trong khi đó đầu ra của Công ty không được tăng do các công trình phải đấu thầu theo đơn giá trọn gói hoặc đơn giá cố định (không điều chỉnh giá).

- Khả năng tìm kiếm việc làm của các đơn vị giảm sút do năng lực yếu, thiếu nhiệt huyết dẫn đến công tác phối hợp tìm kiếm việc làm giữa phòng ban và đơn vị rất hạn chế. Đơn vị chủ chốt hiện tại cũng đang hết việc làm.

- Lực lượng cán bộ kỹ thuật của Công ty mỏng, đặc biệt là ở dưới các Đơn vị thiếu cán

bộ phụ trách quản lý giám sát thi công và làm Hồ sơ nghiệm thu thanh toán. Thiếu hụt lao động có tay nghề, thiếu kỹ sư, cán bộ kỹ thuật. Một số đơn vị khi có việc làm không có kỹ thuật trực tiếp thi công, không có đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề làm ảnh hưởng đến quá trình triển khai thi công các hạng mục, công trình rất nhiều.

+ Đơn giá tiền lương không phù hợp trong dự toán của các Dự án, hạng mục, công trình của các Chủ đầu tư (vẫn áp dụng từ năm 2016) làm ảnh hưởng rất lớn đến tổng giá trị các Hợp đồng. Trái ngược với khó khăn nêu trên thì đơn giá giao khoán tiền lương lao động thời vụ trên thị trường lại theo chiều hướng tăng lên. Nguyên nhân là do sự khan hiếm lao động trong lĩnh vực xây dựng và sự điều chỉnh tiền lương của Nhà nước.

+ Sự cạnh tranh khốc liệt về giá trong đấu thầu tìm kiếm việc làm. Để có việc làm, trong quá trình đấu thầu, chào giá cạnh tranh các gói thầu buộc phải giảm giá rất lớn (từ 3% - 15%).

+ Quy định cạnh tranh trong đấu thầu có nhiều bất lợi: Công ty không được tham dự đấu thầu các gói thầu có quy mô nhỏ, siêu nhỏ (dưới 5 tỷ đồng) và hiện nay cũng không có đủ năng lực để tham gia các gói thầu quy mô lớn. Mỗi gói thầu lại có sự đòi hỏi về năng lực cán bộ khác nhau nên phát sinh thêm nhiều chi phí đào tạo lấy chứng chỉ để tham dự các gói thầu.

- MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH:

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn thách thức đã nêu nhưng với ý trí quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, Bộ máy quản lý điều hành xây dựng mục tiêu trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Phần đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 trên tinh thần **Đổi mới - An toàn - Hiệu quả** với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các chỉ tiêu chính của toàn Công ty

1.1 Tổng doanh thu xây lắp:	63 tỷ đồng
1.2. Tiền lương BQ (đồng/người/tháng):	5.700.000 đồng
1.3. Ăn ca (đồng/công làm việc):	20.000 đồng
1.4. Chỉ tiêu tài chính:	
- <i>Nộp ngân sách:</i>	<i>2,094 tỷ đồng</i>
- <i>Chi trả cổ tức/vốn điều lệ:</i>	<i>0%</i>
- <i>Lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>0 đồng</i>

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CỤ THỂ:

Phát huy những kết quả đã đạt được và các vấn đề còn tồn tại của năm 2020, năm 2021 cần phấn đấu nỗ lực hơn nữa và tập trung vào một số nội dung sau:

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm việc làm Khuyến khích các cá nhân trong toàn công ty mạnh dạn tìm kiếm và nhận khoán việc làm để có thể hoàn thành mọi kế hoạch đề ra. Tăng cường giữ gìn mối quan hệ với các bạn hàng và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Tổng công ty cũng như các đơn vị trong Tập đoàn.

- Xây dựng các kế hoạch điều hành cụ thể, chi tiết để có các biện pháp điều hành linh

hoạt nhằm thích ứng kịp thời với các biến động kinh tế - chính trị trong quá trình SXKD. Giao mục tiêu kế hoạch cụ thể cho các đơn vị sản xuất, phòng ban hàng quý, năm để phấn đấu hoàn thành KH SXKD, bảo toàn và phát triển vốn.

- Thực hiện tốt việc thi công đảm bảo chất lượng, kỹ mỹ thuật các công trình, an toàn về người và máy móc thiết bị thi công, giảm lãng phí về vật tư, tiết giảm chi phí, hoàn thành đúng tiến độ.

- Nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, giảm dư nợ và lãi vay ngân hàng đồng thời thực hiện tốt quy chế quản lý tài chính, sử dụng đúng mục đích dòng vốn trong SXKD. Xử lý thu hồi công nợ kéo dài dứt điểm.

- Thu xếp đủ vốn để đáp ứng nhu cầu SXKD cho từng Hợp đồng đã ký; Thực hiện tốt quy chế quản lý tài chính, công nợ và xử lý thu hồi công nợ kéo dài dứt điểm.

- Nghiêm túc thực hiện việc mua bán, quản lý vật tư theo quy chế đã ban hành đảm bảo giá cạnh tranh, đầy đủ chứng từ hợp lệ. Sắp xếp gọn gàng, thực hiện tiết kiệm không để thất thoát lãng phí vật tư trong thi công sản xuất.

- Kiểm tra đôn đốc đơn vị lập bảng lương và quyết toán tiền lương cho người lao động theo đúng thỏa thuận và quy định của Công ty.

- Tuyển dụng lao động kịp thời và hợp lý kể cả lao động thời vụ nhằm đáp ứng tiến độ thực hiện các hợp đồng đã ký. Thực hiện tốt quy trình trả lương theo KPI nhằm nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của người lao động và để có cơ sở thay đổi cải thiện thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục nghiên cứu rà soát các quy chế, quy định trên cơ sở bám vào quy chế, quy định của Tổng công ty và điều kiện thực tế SXKD để báo cáo HĐQT xét xét và sửa đổi bổ xung cho phù hợp nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Phát động tới toàn thể cán bộ CNV thi đua sản xuất, hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2021. Tổng kết tốt phong trào thi đua là cơ sở, xây dựng các điển hình tiên tiến để hoàn thành mọi chỉ tiêu kinh tế đề ra.

7.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

✦ Thuận lợi:

- Bề dày về kinh nghiệm trong xây dựng các công trình Dân dụng, công nghiệp, giao thông năng lượng gần 40 năm

- Công ty được sự tin tưởng và hỗ trợ về nguồn hợp đồng cho các doanh nghiệp trong hệ thống Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Bộ máy tinh gọn, Đội ngũ CBCNV có nhiều kinh nghiệm lâu năm.

✦ Khó khăn:

- Tình hình kinh tế khó khăn nên các khách hàng truyền thống là các đơn vị trong cùng hệ thống Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam giảm mạnh về nhu cầu xây lắp, sửa chữa. Trong khi đó các Doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng ngày càng nhiều dẫn tới để có việc làm, Công ty phải đấu thầu và cạnh tranh rất nhiều về tiến độ, chất lượng và về giá. Giá cả vật tư, vật liệu, lãi xuất và tiền lương biến động tăng nhiều.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

- Là Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động chủ yếu là thực hiện chức năng và nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, vật kiến trúc cho các Đơn vị trong Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với gần 40 năm kinh nghiệm hoạt động. Công ty đã xây dựng được nhiều công trình đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ và đáp ứng được các yêu cầu của các Chủ đầu tư.

- Từ năm 2016, Công ty đã mở hướng hoạt động sản xuất kinh doanh ra ngoài ngành than tham gia đấu thầu, chào giá cạnh tranh, ký kết hợp đồng xây dựng với các Tổng công ty và Tập đoàn kinh tế khác...

- Trong quá trình thực hiện, Công ty luôn được các Chủ đầu tư đánh giá cao và giữ được uy tín.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành xây dựng, thi công lắp đặt nhìn chung đang có xu hướng phát triển chậm lại nhưng vẫn khả quan và triển vọng. Ngành xây dựng đã bắt đầu năm thứ 3 năm liên tiếp trong chu kỳ giảm tốc (kể từ năm 2016), tuy nhiên, tăng trưởng ngành trong năm 2018 vẫn đạt 8,02 %, cao hơn mức tăng GDP bình quân cả nước là 7,08%. Xét về ngắn và dài hạn, ngành xây dựng vẫn đang có nhiều yếu tố thuận lợi, bao gồm:

- Dân số khoảng 96 triệu người và độ tuổi trung bình 31, dân số trẻ vẫn chiếm ưu thế. Dân số cao dẫn đến nhu cầu về Nhà ở, về xây dựng hạ tầng vẫn tiếp tục tăng cao.

- Tầng lớp trung lưu (thu nhập 7,000-70,000 USD/năm) tiếp tục tăng nhanh, đạt con số 81,7% hộ gia đình tại Việt nam. Dự kiến tầng lớp này sẽ tăng trưởng thêm 19% trong năm 2019.

- Môi trường pháp lý tiếp tục cải thiện. Luật Nhà ở cho phép cá nhân và doanh nghiệp nước ngoài sở hữu nhà tại Việt Nam và nhu cầu văn phòng, co-working đang tăng mạnh mẽ tại các thành phố lớn.

Kết quả điều tra mới nhất về xu hướng sản xuất kinh doanh ngành xây dựng của Tổng cục Thống kê cho thấy, có đến 60,4% doanh nghiệp xây dựng nhà các loại đánh giá thị trường xây dựng ổn định và thuận lợi hơn từ quý I/2019. Trong đó, doanh nghiệp ngoài nhà nước dự báo thị trường khả quan nhất với 59,8% doanh nghiệp đánh giá ổn định và thuận lợi hơn. Doanh nghiệp nhà nước là 57% và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (doanh nghiệp FDI) là 58,9%...

Qua đó có thể thấy, bỏ qua 1 số khó khăn nhỏ do bước vào chu kỳ giảm tốc sau sự tăng đột phá giai đoạn 2015-2016, về ngắn hạn trong năm 2019 và dài hạn, ngành xây dựng vẫn rất sáng sủa và còn rất nhiều dư địa để tiếp tục phát triển.

Đối với các doanh nghiệp trong hệ thống Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty xác định đây là khách hàng truyền thống và cần tiếp tục đẩy mạnh khai thác. Trong giai đoạn tới, khi hoạt động của các doanh nghiệp trong hệ thống Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam phục hồi, nhu cầu xây dựng, sửa chữa tăng sẽ đem lại nhiều công ăn việc làm cho Công ty.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong Công ty tại ngày 31/12/2020

Stt	Trình độ lao động	Số lượng (người)	Cơ cấu
I	Trình độ lao động	53	100%
1	- Thạc sĩ	02	0,4%
2	- Cử nhân (Đại học, Cao đẳng)	22	42%
3	- Trung học chuyên nghiệp	01	0,2%
4	- Phổ thông trung học	28	53%
II	Giới tính	53	100%
1	Lao động nữ	7	13%
2	Lao động nam	46	87%

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

⚡ Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Một tuần tối đa không quá 48 giờ, 1 ca không quá 8 giờ
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Theo quy định của Nhà nước
- Nghỉ ốm, thai sản: Theo quy định của Nhà nước
- Điều kiện làm việc: Tốt

⚡ Chính sách lương

- Chính sách lương: Theo quy định của Nhà nước và Tổng công ty
- Chính sách thưởng: Theo quy chế thi đua khen thưởng Công ty
- Chính sách xét tăng lương: Theo quy định của Nhà nước và quy định tại

Thang bảng lương của Công ty.

⚡ Chế độ phúc lợi

- Bảo hiểm và phúc lợi: Theo quy định của Nhà nước

⚡ Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chính trị: Thường xuyên theo kế hoạch từ đầu năm.

⚡ Mức lương bình quân

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân /người/tháng	5.700.000	5.482.365

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ tình hình kết quả kinh doanh hàng năm và kế hoạch đầu tư sản xuất kinh doanh

trong các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị đề xuất để Đại hội đồng cổ đông quyết định. Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức (tính trên vốn điều lệ) của Công ty qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá)	Hình thức
2019	3	Bằng cổ phiếu (*)
2020	0	

(*) Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Đại hội đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức là không đồng.

7. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	08 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị quản lý	5 năm

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2020 như sau:

		<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>	
Stt	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	10	
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	137	28
3	Thuế thu nhập cá nhân	-	
4	Thuế nhà đất, thuê đất		
5	Thuế môn bài		
@	TỔNG CỘNG	147	28

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và 2020 của INCO.

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2020 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2020
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	66	87
2	Quỹ đầu tư phát triển	330	330
@	TỔNG CỘNG	396	417

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và 2020 của INCO.

11.1.5. Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
I	Vay ngắn hạn	5.320	8602
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh (1)	4.820	8602
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh (2)	500	
II	Vay dài hạn	-	
	Tổng cộng	5.320	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của INCO.

Ghi chú:

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/153710/HĐTD ngày 03/9/2020 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI với hạn mức vay 15 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức này, kỳ hạn và lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hợp đồng được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng;
- Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay tại BIDV, các L/C do BIDV phát hành, tài trợ và các tài sản hợp pháp khác của Công ty.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2956.19.031.1479768.TT ngày 24/01/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI với hạn mức vay 8 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức đến ngày 22/01/2020, kỳ hạn và lãi suất căn cứ vào từng

giấy nhận nợ của khách hàng với ngân hàng. Hợp đồng được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng;
- Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay tại MB, các L/C do MB phát hành, tài trợ và các tài sản hợp pháp khác của Công ty.

11.1.6. Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	17.656	28.360
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	5.780	25.542
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.600	229
3	Phải thu theo tiến độ hợp đồng	-	
4	Phải thu ngắn hạn khác (**)	10.277	2.589
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
	Tổng cộng	17.656	28.360

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và 2020 của INCO.

(*) Các khoản phải thu có tỷ trọng lớn tại khoản phải thu của khách hàng:

STT	Khách hàng	Số dư (triệu đồng)	
		31/12/2019	31/12/2020
I	Nhóm Khách hàng có số dư từ 10% trở lên tổng công nợ phải thu	4.899	18.682
1	Công ty TNHH TM Ngọc Anh	3.774	12.105
2	Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin	69	
3	Công ty CP Đông Đô	1.056	
4	Công ty CP Xây dựng và thương mại Pros		3.327
5	Công ty CP nổi hơi và thiết bị công nghiệp Đông Anh		3.250
II	Các đối tượng khác	881	6.860
	Tổng cộng	5.780	25.542

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng – VVMI

(**) Khoản phải thu ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội đã cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/153710/HĐTĐ ngày 07/01/2019 để đảm bảo cho

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/153710/HĐTD ngày 03/9/2020 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng – VVMI. Ngoài ra, Công ty thực hiện ứng trước cho các đội trưởng các đội thi công của Công ty để thực hiện các công trình đảm bảo tiến độ đã cam kết với chủ đầu tư.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
I	Nợ ngắn hạn	18.507	23.560
1	Phải trả người bán ngắn hạn (*)	8.335	9.946
2	Người mua trả tiền trước	4.148	2.250
3	Thuế và các khoản phải nộp	147	28
4	Phải trả người lao động	202	1.946
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	21	47
6	Phải trả ngắn hạn khác	268	654
7	Vay nợ thuê tài chính	5.320	8.602
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	66	87
II	Nợ dài hạn	-	-
	Tổng cộng	18.507	23.560

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và 20120 của INCO.

(*) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

STT	Khách hàng	Số dư (triệu đồng)	
		31/12/2019	31/12/2020
I	Các nhà cung cấp có số dư phải trả từ 10% trở lên khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.774	4.966
1	Công ty CP Lilama 691- Phả Lại	374	
2	Công ty CP Sản xuất - Thương mại Huy Minh	723	
3	Công ty TNHH DVTMM Thiên Phúc An Khang	677	158
4	Công ty TNHH Minh Tâm Quảng Ninh		1.262
5	Công ty CP thương mại và công nghiệp Amazon		1.576
6	Công ty TNHH Hiền Nhung Quảng Ninh		958
7	Công ty TNHH tuổi trẻ Hoàng Ngọc		1.012
II	Phải trả ngắn hạn cho các đối tượng khác	6.561	4.980
	Tổng cộng	8.335	9.946

- **Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020
1	Nguyên liệu, vật liệu	272	202
2	Công cụ, dụng cụ	-	
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.620	2.590
Tổng cộng		7.892	2.792

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và 2020 của INCO.

Lưu ý:

Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa và các tài sản hợp pháp khác của Công ty được sử dụng để đảm bảo cho 02 hợp đồng tín dụng hạn mức ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,43	1,35
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,00	1,23
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63,46	68,71
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	173,68	219,61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ)	vòng	3,02	13,9
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	0,85	2,46
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,01	0,09
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,05	0,68
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,01	0,23
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,38	0,13

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của INCO

12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

✦ Giá trị tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ GTCL/N G (%)
I	TSCĐ hữu hình	5.287	2.598	49,14%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.807	2.289	60,13%
2	Máy móc, thiết bị	47	6	11,96%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.433	83	5,83%
II	TSCĐ vô hình	-	-	-
@	Tổng cộng	5.287	2.378	44,98%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI

✦ Tình hình đất đai Công ty đang quản lý:

T T	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức thuê đất	Mục đích sử dụng
1	Tổ 20 – Thị trấn Đông Anh – TP Hà Nội	1.504	Giao đất, đóng thuế hàng năm	Làm trụ sở Văn phòng Công ty
2	Tổ 21 – Thị trấn Đông Anh – TP Hà Nội	2.570	Giao đất, đóng thuế hàng năm	Làm nhà xưởng, kho của Công ty
3	Tại phường Quán Triều, TP Thái Nguyên	252	Giao đất, đóng thuế hàng năm	Làm kho của Công ty khu vực Thái Nguyên
4	Tại phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	456	Trả tiền thuê đất hàng năm	Làm kho của Công ty khu vực Quảng Ninh

13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021

13.2. Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm năm 2021 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Năm 2021	
			Kế hoạch	+/- so với 2020 (%)

Vốn điều lệ	Triệu đồng	10.197	10.197	
Doanh thu thuần	Triệu đồng	78.180	63.000	-19
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	72	0	-100
Tỷ lệ LNST/DTT	%	0,01	0	
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	%	0,04	0	
Tỷ lệ cổ tức	%	3	0	

Nguồn: CTCP Đầu tư và Xây dựng - VVMI.

13.3. Cơ sở thực hiện kế hoạch

✚ Căn cứ thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Hàng năm, Căn cứ vào số liệu thống kê thị trường việc làm, giá cả nguyên nhiên vật liệu, lãi xuất ngân hàng.... Công ty tiến hành xây dựng và điều chỉnh các kế hoạch năm tiếp theo, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn cho 5 năm, 10 năm... nhằm có mục tiêu phấn đấu phát triển bền vững Công ty. Kế hoạch bao gồm đầy đủ các chỉ tiêu, yếu tố về thị trường việc làm, Doanh thu, lợi nhuận, tiền lương, cổ tức....

✚ Thực hiện tiết kiệm và quản lý chi tiêu

- Công ty thực hiện triệt để tiết kiệm trong mọi chi phí chi tiêu nội bộ từ Ban giám đốc cho đến từng công nhân lao động, chống lãng phí trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Ban Giám đốc cùng bộ phận nghiệp vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát mọi chi phí đầu vào, đầu ra tại các cơ sở sản xuất, đôn đốc các cơ sở sản xuất thực hiện đúng các quy trình làm giảm chi phí thấp nhất cho đơn vị.

✚ Giải pháp về đầu tư

- Kế hoạch đầu tư, dự án của Công ty hàng năm được trình qua đầy đủ các cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định sau đó trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện.
- Kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty chủ yếu là đầu tư máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ thi công và được xây dựng bổ xung hàng năm sau đó trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện..

13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục giữ vững mảng sản xuất kinh doanh truyền thống, tập trung tất cả nguồn lực để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Cơ cấu và phát triển các dự án phù hợp với nguồn lực hiện có của Công ty trên cơ sở ưu tiên các dự án phát huy hiệu quả nhanh về doanh thu và lợi nhuận; tìm đối tác để hợp tác phát triển các dự án có nhu cầu vốn lớn và thu hồi lại vốn.

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và quy mô đàn heo của Công ty trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt.
 - Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao sản lượng, chất lượng và hiệu quả điều hành để đạt được mục tiêu chính về sản xuất kinh doanh.
14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty
- Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Stt	Họ tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT không độc lập
2	Ông Trịnh Hoàng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Lê Anh Xuân	Thành viên HĐQT không độc lập
Ban kiểm soát		
1	Ông Lê Minh Hiền	Trưởng BKS
2	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên BKS
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
1	Ông Trịnh Hoàng Nam	Giám đốc
2	Ông Nguyễn Tiến Việt	Kế toán trưởng

1. Báo cáo tình hình Hoạt động của Hội đồng quản trị.

1.1. Đánh giá về chấp hành pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

Trong năm 2020 HĐQT đã hoạt động tuân thủ điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty, chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, chấp hành các quy chế quản lý của Công ty đã ban hành và các quy định của pháp luật trong quản lý sản xuất kinh doanh. Định kỳ HĐQT tổ chức 03 kỳ họp tại trụ sở Công ty để kiểm tra đôn đốc tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho Công ty, ban hành các nghị quyết, quyết định để bộ máy điều hành Công ty triển khai thực hiện.

1.2. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, quyết liệt, đã đưa ra các quyết định phù hợp, kịp thời chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát của ban điều hành, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của các cổ đông, cũng như quyền lợi của người lao động, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty. Chỉ đạo việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù

hợp với quy định của pháp luật Nhà nước, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam, Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt bắc TKV- CTCP.

- HĐQT tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc và Ban điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp tích cực với Ban kiểm soát trong các hoạt động, các thành viên HĐQT đã tích cực quan tâm đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các định hướng phù hợp trong điều kiện khó khăn chung của thị trường xây lắp.

- Trong năm Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo Công ty trong việc đề ra các chủ trương để khuyến khích tìm kiếm việc làm, đẩy nhanh tốc độ nghiệm thu thanh toán với các chủ đầu tư, quyết toán nhanh chóng với các đơn vị thi công trong Công ty, quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động của bộ máy điều hành. Các kiến nghị, đề nghị của ban điều hành Công ty đã được HĐQT xem xét giải quyết kịp thời.

1.3 xây dựng và ban hành các văn bản quản lý

- Căn cứ quyền hạn được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, năm 2020 Hội đồng quản trị tổ chức 06 kỳ họp HĐQT tại Công ty để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2020 đề ra, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý và cả năm, đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch, giải quyết các vấn đề khó khăn trong sản xuất, công nợ, tài chính và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyết định của HĐQT đều được các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua.

Trong năm 2020 HĐQT đã quyết định và giải quyết các nội dung cơ bản sau:

Triển khai tổ chức đại hội cổ đông thường niên vào ngày 29/6/2020, giao kế hoạch và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cho Công ty.

Giải quyết kịp những khó khăn trong sản xuất kinh doanh của Công ty, quy định các vấn đề liên quan quản lý điều hành của Công ty, điều chỉnh quy hoạch cán bộ năm 2020, thông qua và bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền, phê duyệt và ban hành sửa đổi các quy chế hoạt động của Công ty...

Rà soát sửa đổi bổ sung ban hành các quy chế: Quy chế khoán quản lý công nợ.

1.4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty thực hiện kế hoạch 2020:

Trong năm 2020, Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty đã có các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, đảm bảo an toàn, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động và đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Ban điều hành Công ty đã chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty; tuân thủ các quy định của Pháp luật và các quy định của Tổng Công ty.

Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Với mô hình hoạt động trong ngành xây dựng, các công trình ở cách xa Trụ sở nên quá trình quản trị và điều hành còn nhiều sự chậm chễ và thiếu sự sát sao. Mặc dù thời đại của Công nghệ thông tin bùng nổ đã hỗ trợ nhiều trong quá trình quản lý điều hành tuy nhiên vẫn còn rất nhiều khó khăn. Điển hình như các hạng mục công trình nếu phải thi công ở các vùng sâu, vùng xa sẽ rất thiếu thông tin kịp thời để quản trị và điều hành.

Mặc dù Công ty hoạt động với mô hình cổ phần hoá từ năm 2000 đến nay và đã xây dựng nhiều hệ thống văn bản như: Điều lệ, quy chế, quy định... dựa trên văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên để linh hoạt trong điều hành và phù hợp với thực tế, Công ty luôn phải rà soát sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định... và xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về mọi mặt hoạt động.

Hàng tháng, quý, năm duy trì các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc, Họp giao ban, sản xuất đều đặn nhằm giải quyết kịp thời các vướng mắc.

Tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực quản lý, điều hành và thi công nhằm đáp ứng nhu cầu hiện nay. Lấy trọng tâm là phát triển Nhân lực.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng- VVMI xin thông báo đến quý Ủy ban và quý Sở và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Website Công ty
- Lưu HĐQT, TCNS

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trịnh Hoàng Nam